

Số: 104 /BB-QLKH

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 6 năm 2026

BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN, ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ, CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

A. Thông tin chung:

1. Tên dự án: Ứng dụng khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình trồng thâm canh chè theo tiêu chuẩn hữu cơ Châu Âu (EU) tại tỉnh Thái Nguyên.

2. Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh số 204/QĐ-SKHCN ngày 23/5/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

3. Địa điểm và thời gian:

- Địa điểm: Phòng họp tầng 2, Sở Khoa học và Công nghệ.

- Thời gian: Từ 14h00 đến 15h30 ngày 01/6/2026 (Thứ Hai).

4. Số thành viên Hội đồng tư vấn có mặt trên tổng số thành viên: 07/07 người.

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh trong HĐ
1	ThS. Hoàng Văn Thiên	Giám đốc Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên	Chủ tịch
2	TS. Nguyễn Thị Thủy	Phó Giám đốc Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên	Phó Chủ tịch
3	GS.TS Đào Thanh Vân	Phó chủ tịch Hiệp hội Hữu cơ Việt Nam-Chủ tịch Hội Nông nghiệp hữu cơ Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên	Ủy viên, phản biện 1
4	PGS. TS. Nguyễn Văn Hảo	Phó Viện trưởng, Viện Khoa học và Công nghệ, trường Đại học Khoa học	Ủy viên, Phản biện 2
5	Th.S Dương Sơn Hà	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy viên

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh trong HĐ
6	TS. Đinh Xuân Lâm	Viện trưởng, Viện Khoa học và Công nghệ ứng dụng - Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Thái Nguyên	Ủy viên
7	ThS. Tạ Ngọc Minh	Trưởng phòng Quản lý Khoa học - Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên	Ủy viên

(Thư ký hành chính: ThS. Lê Đào Duy Thắng - Chuyên viên Phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên)

5. Đại biểu tham dự

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Ghi chú
1	TS. Nguyễn Ngọc Tiến	Sở Khoa học và Công nghệ	
2	ThS. Đào Thị Phương Thảo	Sở Khoa học và Công nghệ	
3	KS. Nông Thị Nôi	Sở Khoa học và Công nghệ	
4	ThS. Phạm Thị Hiền	Công ty Cổ phần Chè Quân Chu	
5	TS. Nguyễn Thị Hồng Lam	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chè	
6	ThS. Nguyễn Duy Phụng	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chè	

6. Hội đồng nhất trí cử ông Tạ Ngọc Minh là Thư ký khoa học của Hội đồng.

B. Nội dung làm việc của hội đồng:

1. Ông Tạ Ngọc Minh - Ủy viên, Thư ký Khoa học thông qua Quyết định số 204/QĐ-SKH&CN ngày 23/5/2026 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp, thống nhất nguyên tắc, chương trình làm việc.

3. Các ủy viên phản biện trình bày nhận xét, các ủy viên hội đồng nhận xét, đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn (có chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

4. Thư ký khoa học ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản cuộc họp.

C. Bỏ phiếu đánh giá:

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban: ThS. Tạ Ngọc Minh;

- Thành viên: TS. Đinh Xuân Lâm;
- Thành viên: Th.S Dương Sơn Hà.

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký:

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong Biên bản kiểm phiếu và Bảng tổng hợp kiểm phiếu kèm theo.

3. Kết quả bỏ phiếu: 07/07 thành viên của Hội đồng đã bỏ phiếu, số điểm trung bình là **77,0 điểm**. Căn cứ kết quả bỏ phiếu, Hội đồng kiến nghị tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm sau đây trúng tuyển chủ trì dự án nêu trên như sau:

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần chè Quân chu.

Họ và tên cá nhân chủ nhiệm: ThS. Phạm Thị Hiền.

D. Kết luận, kiến nghị của hội đồng

1. Kiến nghị những nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi:

(1) Tên nhiệm vụ: Không

(2) Mục tiêu nhiệm vụ:

Rà soát, sửa mục tiêu chung tại thuyết minh của dự án theo đặt hàng của UBND tỉnh (Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 19/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh bắt đầu thực hiện từ năm 2026 (đợt 2)).

(3) Các nội dung chính thực hiện:

Rà soát, sửa các nội dung thực hiện theo từng mục tiêu nghiên cứu và bổ sung phương pháp thực hiện cho từng công việc cần chi tiết và cụ thể hơn.

(4) Sản phẩm của nhiệm vụ: Không

(5) Số lượng chuyên gia cần thiết tham gia thực hiện: Không

(6) Phương thức khoán chi:

a) Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng ☐

b) Khoán chi từng phần ☒

2. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ:

☒ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

3. Kết luận của Hội đồng:

Hội đồng thống nhất các nội dung chính như sau:



- Tên Dự án: Ứng dụng khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình trồng thâm canh chè theo tiêu chuẩn hữu cơ Châu Âu (EU) tại tỉnh Thái Nguyên.

- Mã số dự án là: DA/NN/12/2026

- Thời gian thực hiện: 36 tháng (theo đặt hàng của UBND tỉnh).

- Căn cứ kết quả đánh giá, hội đồng nhất trí lựa chọn tổ chức, cá nhân sau đây trúng tuyển và đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh phê duyệt:

+ Tên tổ chức chủ trì: Công ty Cổ phần chè Quân chu.

+ Họ và tên cá nhân chủ nhiệm: ThS. Phạm Thị Hiền.

- Đề nghị Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án tiếp thu tối đa các ý kiến tham gia tại các phiếu nhận xét và ý kiến phát biểu của thành viên Hội đồng (*tại phụ lục chi tiết kèm theo*), trong đó có các nội dung chính như sau:

+ Rà soát, bổ sung và hoàn thiện phần tổng quan theo ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng;

+ Rà soát, thống nhất lại mục tiêu, nội dung, sản phẩm và chỉ tiêu nghiệm thu của dự án theo đúng yêu cầu đặt hàng;

+ Mô hình 05 ha được chứng nhận theo tiêu chuẩn hữu cơ châu Âu (EU), xem xét cấp mã số vùng trồng cho mô hình;

+ Xem xét đánh giá cụ thể hơn hiệu quả kinh tế của dự án.

- Về khoán kinh phí: Thực hiện phương thức Khoán chi từng phần.

- Tổ chức chủ trì sửa lại thuyết minh, dự toán kinh phí cho phù hợp với yêu cầu của Hội đồng; bổ sung, làm rõ căn cứ lập dự toán, các định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng (nếu có), các tài liệu minh chứng cho việc lập dự toán.

Hội đồng tư vấn tuyển chọn nhiệm vụ đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét trình UBND tỉnh phê duyệt thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh theo quy định./.

THƯ KÝ KHOA HỌC



ThS. Tạ Ngọc Minh

**KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**




**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ KH&CN
Nguyễn Thị Thủy**

Phụ lục

Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Kèm theo Biên bản số 104/BB-QLKH ngày 01/6/2026 của Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh)

1. Ủy viên Phản biện 1: GS.TS. Đào Thanh Vân

a) Tổng quan tình hình nghiên cứu:

- Bổ sung quy trình/ TBKT tham chiếu theo QĐ số 27/QĐ-TTTV ngày 23/01/2026 của Cục Trồng trọt và BVTV về sản xuất chè hữu cơ; và quy trình/ TBKT tham chiếu theo QĐ số 378/QĐ-CCBQ ngày 14/12/2023 về chế biến giống chè VN15 và PH14;

- Bổ sung các nội dung dự kiến hoàn thiện Quy trình sản xuất chè Hữu cơ theo tiêu chuẩn châu Âu (EU organic regulation 2018/848) về giống, thời gian chuyển đổi, vùng gây ô nhiễm, sản xuất riêng rẽ và song song, quản lý đất, nước, dinh dưỡng và dịch hại...

- Bổ sung các nội dung dự kiến hoàn thiện Quy trình chế biến chè Hữu cơ theo tiêu chuẩn châu Âu (EU organic regulation 2018/848) về thu hoạch, chế biến, đóng gói, dán nhãn/ ghi nhãn các sản phẩm (Túi lọc, matscha, RTD...) hữu cơ hoặc chuyển đổi hữu cơ theo tiêu chuẩn hữu cơ châu Âu.

b) Nội dung và phương án triển khai

- Rà soát, sửa lại các nội dung theo các mục tiêu, hiện tại dự án có 5 mục tiêu, thì tương ứng phải có 5 nội dung;

- Trong từng nội dung cần chi tiết các nhóm công việc và hoạt động cụ thể.

c) Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội:

Cần làm rõ Các thông số trong quy trình sản xuất và chế biến chè theo tiêu chuẩn hữu cơ châu Âu (EU) sau: Giống chè áp dụng? Vật tư đầu vào (Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, nước tưới, vùng cách ly, mối nguy ô nhiễm, quản lý và xử lý rủi ro, các kỹ thuật không thích hợp,...)

d) Sản phẩm khoa học và công nghệ:

Rà soát, bổ sung các Sản phẩm của dự án phải định lượng được:

- Mô hình 5 ha được sản xuất và được chứng nhận theo tiêu chuẩn hữu cơ châu Âu (EU).

- Quy trình sản xuất chè theo tiêu chuẩn hữu cơ châu Âu (EU) phù hợp với điều kiện sinh thái và trình độ sản xuất của tỉnh Thái Nguyên được hoàn thiện và thông qua Hội đồng chuyên môn;

- Quy trình chế biến chè theo tiêu chuẩn hữu cơ châu Âu (EU) được hoàn thiện và thông qua Hội đồng chuyên môn. Nên định hướng loại sản phẩm gì (chè búp, chè túi lọc, matcha, RTD... để hướng tới thị trường đích với các chỉ tiêu cụ thể của sản phẩm.

+ Mô hình 5 ha phải được cấp mã số vùng trồng (vị trí địa lý, quy trình canh tác, chất lượng vùng sản xuất)/ mã số cơ sở chế biến, đóng gói (Vệ sinh an toàn

thực phẩm, công nghệ sử dụng và đóng gói phục vụ xuất khẩu) và truy xuất nguồn gốc điện tử bằng Blockchain (Điều kiện bắt buộc trong tiêu chuẩn hữu cơ châu Âu) để ghi lại và lưu trữ hành trình sản phẩm (từ khâu sản xuất đến tay người tiêu dùng) trên chuỗi khối, đảm bảo tính minh bạch;

- 150 người lao động được tập huấn kỹ thuật sản xuất và chế biến chè theo tiêu chuẩn hữu cơ châu Âu (EU) phù hợp với điều kiện sinh thái và trình độ sản xuất của tỉnh Thái Nguyên;

e) Các ý kiến khác

- Phân xuất xứ của dự án cần tập trung phân tích, đánh giá tình hình sản xuất chè/ chè hữu cơ của tỉnh Thái Nguyên, nêu sự cần thiết và viện dẫn các chủ trương, đường lối, chính sách của tỉnh Thái Nguyên đối với cây chè và sản xuất chè Hữu cơ (Quyết định 139; Nghị quyết 11; Nghị quyết 08,...); Các thuận lợi - cơ hội, khó khăn - thách thức trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè Hữu cơ;

- Cập nhật các số liệu về sản xuất chè hữu cơ/ chứng nhận chè hữu cơ trong nước và quốc tế;

- Mô hình 5 ha sản phẩm bắt buộc phải có chứng nhận Tiêu chuẩn hữu cơ châu Âu do các cơ sở chứng nhận được EU ủy quyền cấp. Có thể kéo dài thời gian thực hiện dự án là 48 tháng để có được đánh giá và chứng nhận theo Tiêu chuẩn EU..

- Rà soát lại các thuật ngữ không được sử dụng trong canh tác hữu cơ: “hướng hữu cơ”; Giảm sử dụng phân hóa học, thuốc BVTV; thâm canh chè hữu cơ....

- Nên bổ sung định hướng loại sản phẩm được chế biến từ chè hữu cơ để hướng tới thị trường đích.

- Bổ sung quy trình sản xuất, chế biến chè hữu cơ đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành; Bổ sung tài liệu tham khảo trong và ngoài nước, nhất là tóm tắt Tiêu chuẩn hữu cơ châu Âu (EU) 2018/848 ngày 30/5/2018 on organic production and labelling of organic products and repealing Council Regulation (EC) No 834/2007; Tích hợp các giải pháp về tổ chức và kỹ thuật thành dự thảo qui trình thực hiện tại mô hình sản xuất và chế biến chè để đạt chứng nhận Tiêu chuẩn EU.

- Rà soát lại văn phạm, lỗi chính tả,

2. Ủy viên phản biện 2: PGS. TS. Nguyễn Văn Hảo

a) Tổng quan tình hình nghiên cứu:

- Cần phân tích thêm thị trường, chưa có số liệu cụ thể về nhu cầu nhập khẩu chè hữu cơ tại EU, giá bán sản phẩm hữu cơ, các yêu cầu kỹ thuật về dư lượng cũng như đối thủ cạnh tranh quốc tế. Hồ sơ cũng chưa làm rõ kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, đối tác liên kết xuất khẩu và khả năng thương mại hóa sau dự án.

- Hồ sơ chưa làm rõ bộ tiêu chuẩn Organic EU cụ thể áp dụng (EU Regulation 2018/848 hoặc tương đương), phạm vi áp dụng cho sản xuất, chế biến, ghi nhãn và xuất khẩu. Phân phân tích thị trường còn khái quát, chưa có số liệu về nhu cầu, giá bán, khả năng cạnh tranh và yêu cầu dư lượng của thị trường EU.

- Bổ sung cơ sở pháp lý của tiêu chuẩn áp dụng, phân tích yêu cầu kỹ thuật của thị trường EU và khả năng đáp ứng của vùng nguyên liệu tại địa phương.

- Bổ sung phân tích sâu hơn về thị trường tiêu thụ, đánh giá rủi ro trong giai đoạn chuyển đổi hữu cơ và xây dựng kế hoạch phát triển thị trường, liên kết tiêu thụ sản phẩm sau khi dự án hoàn thành.

b) Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu

- Một số nội dung còn mô tả chung chung, chưa lượng hóa rõ các chỉ tiêu kỹ thuật như năng suất mục tiêu, chỉ tiêu chất lượng chè, ngưỡng kiểm soát sâu bệnh, hiệu quả kinh tế và các chỉ tiêu môi trường. Hồ sơ chưa làm rõ quy trình vận hành hệ thống quản lý nội bộ (ICS), phương pháp giám sát dư lượng và cơ chế kiểm soát ô nhiễm chéo từ vùng sản xuất lân cận.

- Hồ sơ chưa làm rõ thời gian chuyển đổi hữu cơ (thông thường 24 - 36 tháng theo Organic EU), hiện trạng sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật của vùng chè và tiêu chí đánh giá hoàn thành chuyển đổi. Chưa cụ thể quy trình vận hành hệ thống quản lý nội bộ (ICS), quy trình truy xuất nguồn gốc, kiểm soát ô nhiễm chéo, vùng đệm, nguồn nước tưới và danh mục vật tư đầu vào được phép sử dụng theo tiêu chuẩn EU.

- Chưa nêu rõ tần suất giám sát dư lượng, các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm (MRL, kim loại nặng, vi sinh), đơn vị chứng nhận Organic EU, chi phí duy trì chứng nhận và phương án quản lý sau dự án. Đề nghị bổ sung đầy đủ các nội dung trên để đánh giá tính khả thi thực tế của mô hình.

- Bổ sung cụ thể hơn các chỉ tiêu kỹ thuật, quy trình giám sát nội bộ, cơ chế truy xuất nguồn gốc điện tử và giải pháp quản lý dịch hại sinh học phù hợp với điều kiện sản xuất chè hữu cơ tại Thái Nguyên.

c) Tính mới và tính khả thi

Tính mới chủ yếu mang tính tích hợp và hoàn thiện công nghệ, chưa thể hiện rõ các giải pháp công nghệ đột phá hoặc có khả năng bảo hộ sở hữu trí tuệ. Hồ sơ cũng chưa làm rõ cơ sở khoa học để so sánh giữa mô hình hữu cơ và mô hình canh tác truyền thống nhằm đánh giá hiệu quả toàn diện.

Bổ sung nội dung đánh giá so sánh với mô hình sản xuất chè thông thường, đồng thời xem xét xây dựng các sản phẩm sở hữu trí tuệ như quy trình kỹ thuật, nhãn hiệu hoặc hệ thống nhận diện sản phẩm chè hữu cơ.

d) Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội

- Hồ sơ chưa lượng hóa cụ thể hiệu quả kinh tế như giá thành sản xuất, lợi nhuận dự kiến, thời gian hoàn vốn, hiệu quả so sánh với mô hình truyền thống và

hiệu quả môi trường. Chưa đánh giá đầy đủ các rủi ro trong giai đoạn chuyển đổi hữu cơ như giảm năng suất, áp lực sâu bệnh và chi phí duy trì chứng nhận.

- Hồ sơ chưa lượng hóa đầy đủ hiệu quả kinh tế trong giai đoạn chuyển đổi hữu cơ, trong khi thực tế năng suất có thể giảm khoảng 15 - 30% và chi phí quản lý, giám sát, chứng nhận tăng đáng kể. Chưa làm rõ khả năng bao tiêu sản phẩm, duy trì chứng nhận Organic EU sau dự án và hiệu quả thương mại hóa xuất khẩu.

Đề nghị bổ sung phân tích hiệu quả kinh tế, chi phí duy trì hệ thống hữu cơ, phương án tiêu thụ sản phẩm và cơ chế duy trì chứng nhận sau khi kết thúc nhiệm vụ.

Bổ sung phân tích tài chính chi tiết, đánh giá hiệu quả kinh tế – xã hội bằng các chỉ tiêu cụ thể và xây dựng phương án quản lý rủi ro trong quá trình triển khai dự án.

e) Sản phẩm khoa học và công nghệ

Hồ sơ chưa làm rõ tiêu chuẩn chất lượng cụ thể của sản phẩm chế tạo ra, sản lượng thương mại dự kiến cũng như khả năng công bố khoa học và đăng ký sở hữu trí tuệ đối với các kết quả của dự án. Đề nghị bổ sung các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm, kế hoạch thương mại hóa và định hướng xây dựng thương hiệu cho sản phẩm chế hữu cơ sau dự án

f) Phương án tài chính

- Hồ sơ chưa phân tích rõ cơ cấu chi phí cho các hạng mục quan trọng như chi phí chứng nhận Organic EU, chi phí phân tích mẫu đất - nước - sản phẩm, duy trì hệ thống quản lý nội bộ và kiểm tra định kỳ.

- Một số khoản chi liên quan đến vận hành và duy trì chứng nhận hữu cơ sau khi kết thúc dự án chưa được làm rõ. Hồ sơ cũng chưa đánh giá áp lực tài chính trong giai đoạn chuyển đổi hữu cơ khi năng suất có thể giảm và chi phí quản lý tăng.

Đề nghị rà soát và bổ sung chi tiết cơ cấu tài chính, đặc biệt đối với các khoản chi duy trì chứng nhận hữu cơ và kiểm soát chất lượng sản phẩm trong dài hạn.

g) Năng lực thực hiện

Hồ sơ chưa thể hiện rõ sự tham gia của chuyên gia chuyên sâu về chứng nhận Organic EU, thị trường xuất khẩu và hệ thống quản lý hữu cơ quốc tế. Chủ nhiệm dự án có chuyên môn về quản lý KH&CN nhưng chưa thể hiện nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực sản xuất hữu cơ theo tiêu chuẩn châu Âu. Đề nghị bổ sung chuyên gia tư vấn về chứng nhận Organic EU, quản lý hệ thống hữu cơ và thị trường xuất khẩu để tăng tính khả thi và khả năng thương mại hóa của dự án.

3. Ủy viên: Th.S Dương Sơn Hà

- Xem xét mô hình trồng thâm canh chè quy mô 05ha đạt tiêu chuẩn hữu cơ EU và được cấp mã vùng trồng, mã vùng trồng trồng diện tích tối thiểu 01 vùng trồng là 10ha đối với cây trồng lâu năm (quy định tại Khoản 1, Điều 6, Nghị định 38/2026/NĐ-CP ngày 24/01/2026 của Chính phủ quy định về nhập khẩu cây mang bầu đất và mã vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói).

- Rà soát kinh phí đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung chi đúng, chi đủ và định mức theo quy định pháp luật.

4. Ủy viên: TS. Đinh Xuân Lâm

a) Nội dung và phương án triển khai

- Xem xét về các chỉ tiêu nông học, dự án cam kết tỷ lệ sống >90% và “chè tuổi 3 có năng suất trung bình $\geq 2,5$ tấn búp tươi/ha”. Đề nghị nhóm nghiên cứu làm rõ các chỉ số này có đảm bảo đạt kết quả

- Các nội dung và công việc được mô tả còn sơ sài, thiếu cơ sở phương pháp thực hiện, nhân công, vật tư thiết bị sử dụng. Thời gian thực hiện không hợp lý so với thời điểm tổ chức hội đồng

b) Sản phẩm khoa học và công nghệ

Xem xét, bổ sung thêm một sản phẩm: “01 Báo cáo khoa học về đánh giá hiện trạng và giải pháp kiểm soát, giảm thiểu sự hấp thụ kim loại nặng (Chì) trên cây chè tại vùng dự án”. Sản phẩm này sẽ là minh chứng khoa học quan trọng thêm vào để bảo vệ dự án trước các hội đồng thẩm định khắt khe nhất của EU.

c) Phương án tài chính

Các Phụ lục tài chính (từ Phụ lục 1 đến Phụ lục 8) của dự toán nguyên vật liệu, yêu cầu thiết bị máy móc, chi phí hỗ trợ công nghệ, đầu tư hạ tầng, và chi phí lao động hiện đang bị bỏ trống hoàn toàn số liệu, đề nghị nhóm nghiên cứu bổ sung

d) Các ý kiến khác:

- Thuyết minh cần hoàn thiện mô tả chi tiết các Nội dung, Công việc cần nghiên cứu, thực hiện để có thể đảm bảo dự án hoàn thành đúng chất lượng và tiến độ

- Dự toán cần chi tiết các khoản về nguyên vật liệu, năng lượng, máy móc, v.v...kể cả phần đối ứng kinh phí cũng phải kê chi tiết và có đủ chứng từ theo quy định.

5. Ủy viên: ThS. Tạ Ngọc Minh

- Đề nghị rà soát tên, mục tiêu, nội dung, sản phẩm theo Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 19/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh bắt đầu thực hiện từ năm 2026 (đợt 2));

C.N.V.
ĐC.V.
NGHỆ
NGUY

- Sắp xếp lại các nội dung theo thứ tự cho phù hợp với đặt hàng của tỉnh; Bổ sung các chỉ tiêu cảm biến, độ ẩm đất, các chỉ tiêu liên quan đến nội dung nghiên cứu, ... làm rõ thêm yếu tố giá trị gia tăng;

- Sản phẩm 05ha cần phải được chứng nhận theo tiêu chuẩn hữu cơ châu Âu (EU), nếu thời gian 36 tháng chưa phù hợp có thể xem xét kéo dài;

- Làm rõ hiệu quả kinh tế;

- Nhất trí thực hiện dự án, tuy nhiên cần chỉnh sửa bổ sung theo các góp ý nhận xét của thành viên Hội đồng.

6. Phó Chủ tịch Hội đồng: TS. Nguyễn Thị Thủy

- Rà soát, thống nhất lại mục tiêu, nội dung, sản phẩm và chỉ tiêu nghiệm thu của dự án theo đúng yêu cầu đặt hàng. Các chỉ tiêu cần được lượng hóa rõ ràng, gồm: quy mô mô hình 5 ha; tỷ lệ sống trên 90%; năng suất chè tuổi 3 đạt tối thiểu 2,5 tấn búp tươi/ha; hệ thống tưới tự động có cảm biến và điều khiển trung tâm; hồ sơ được tổ chức chứng nhận chấp nhận; quy trình sản xuất, quy trình chế biến được hoàn thiện và thông qua hội đồng chuyên môn; sản phẩm chè giai đoạn chuyển đổi; mã số vùng trồng; số lượt đào tạo, tập huấn và hội thảo theo yêu cầu.

- Chuẩn hóa nội dung về tiêu chuẩn hữu cơ châu Âu. Thuyết minh phải làm rõ căn cứ áp dụng Regulation (EU) 2018/848 và các quy định liên quan; phân biệt rõ sản phẩm hữu cơ, sản phẩm giai đoạn chuyển đổi sang hữu cơ và điều kiện ghi nhãn. Đối với cây chè là cây lâu năm, cần làm rõ thời gian chuyển đổi, lộ trình chứng nhận, điều kiện để được tổ chức chứng nhận đánh giá, chấp nhận hoặc cấp chứng nhận phù hợp. Không diễn đạt theo hướng mặc nhiên sau thời gian thực hiện dự án sẽ có sản phẩm “chè hữu cơ EU” nếu chưa được tổ chức chứng nhận có thẩm quyền xác nhận.

- Làm rõ hơn tính khoa học và công nghệ của dự án. Các nội dung cải tạo đất, trồng chè, chăm sóc, tưới, thu hái, chế biến cần được trình bày dưới góc độ ứng dụng, kiểm chứng, hoàn thiện quy trình công nghệ; bổ sung phương pháp theo dõi, chỉ tiêu đánh giá, phương án lấy mẫu, phân tích đất, nước, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, kim loại nặng, vi sinh, chất lượng sản phẩm, sinh trưởng, sâu bệnh, năng suất, hiệu quả sử dụng nước và hiệu quả kinh tế so với phương thức canh tác thông thường.

- Bổ sung bảng đối chiếu giữa yêu cầu của tiêu chuẩn Organic EU với các giải pháp đáp ứng của dự án, bao gồm: lịch sử đất, vùng đệm, nguồn nước, giống, vật tư đầu vào, phân bón, bảo vệ thực vật, thu hái, chế biến, đóng gói, bảo quản, ghi nhãn, truy xuất nguồn gốc, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro ô nhiễm chéo.

- Làm rõ lộ trình chứng nhận và tổ chức chứng nhận. Thuyết minh cần nêu tiêu chí lựa chọn tổ chức chứng nhận có thẩm quyền; thời điểm đánh giá ban đầu;

xác lập ngày bắt đầu chuyển đổi; tần suất kiểm tra, lấy mẫu; cơ chế khắc phục điểm không phù hợp; phạm vi chứng nhận; chi phí chứng nhận; trách nhiệm duy trì chứng nhận sau khi nhiệm vụ kết thúc.

- Rà soát phương án tài chính. Hội đồng đề nghị tổ chức chủ trì thống nhất tổng kinh phí, cơ cấu ngân sách nhà nước và vốn đối ứng theo đúng yêu cầu đặt hàng hoặc có giải trình, căn cứ điều chỉnh rõ ràng. Dự toán cần chi tiết theo từng nội dung, công việc, hoạt động; làm rõ các khoản chi cho khảo sát, phân tích mẫu, chứng nhận, truy xuất nguồn gốc, đào tạo, hội thảo, nguyên vật liệu, thiết bị, nhân công, hệ thống tưới, duy trì mô hình và phản đối ứng của doanh nghiệp.

- Bổ sung, hoàn thiện phương án thị trường, tiêu thụ sản phẩm và nhân rộng mô hình. Việc nhân rộng phải được xác định có điều kiện, chỉ áp dụng đối với vùng có đủ điều kiện về lịch sử đất, nguồn nước, vùng đệm, khả năng kiểm soát vật tư đầu vào, tổ chức sản xuất tập trung, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã đủ năng lực quản lý và có thị trường tiêu thụ ổn định. Không nên nêu nhân rộng đại trà, vì tiêu chuẩn hữu cơ châu Âu yêu cầu kiểm soát nghiêm ngặt trong toàn bộ chuỗi sản xuất, chế biến và thương mại.

- Rà soát, bổ sung năng lực chuyên gia. Ngoài năng lực của doanh nghiệp chủ trì và tổ chức phối hợp chuyên ngành chè, thuyết minh cần thể hiện rõ sự tham gia của chuyên gia về chứng nhận Organic EU, quản lý hệ thống hữu cơ quốc tế, truy xuất nguồn gốc, thị trường xuất khẩu và thương mại hóa sản phẩm.

7. Chủ tịch Hội đồng: ThS. Hoàng Văn Thiên

Hội đồng đề nghị tổ chức đăng ký chủ trì nghiêm túc tiếp thu đầy đủ ý kiến của các thành viên Hội đồng, đặc biệt là ý kiến của các ủy viên phản biện; chỉnh sửa, hoàn thiện thuyết minh theo hướng khoa học, khả thi, đúng quy định, bám sát đặt hàng và bảo đảm hiệu quả khi triển khai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Hội đồng thống nhất đề nghị tổ chức chủ trì hoàn thiện hồ sơ sau cuộc họp, gửi về cơ quan thường trực Hội đồng để tổng hợp, thẩm định và thực hiện các bước tiếp theo.

THƯ KÝ KHOA HỌC



Tạ Ngọc Minh